

THÔNG BÁO TỪ SỞ CẢNH SÁT OTA

Vui lòng cung cấp thông tin liên quan đến tội phạm.

Đồn cảnh sát Ota 0276-33-0110 (Hỗ trợ bằng tiếng Nhật)

Có tội phạm nào đang đe dọa đến tính mạng của bạn hoặc những người xung quanh bạn đang phải chịu đựng nạn tội phạm không? Để giải quyết những tội phạm đó và giúp đỡ những nạn nhân, cảnh sát cần thông tin từ bạn. Chúng tôi mong nhận được phản hồi từ bạn.



Súng ngắn, ma túy

- Có những người đang sử dụng, tàng trữ, hoặc mua/bán ma túy (như chất kích thích, các loại ma túy nguy hiểm, v.v.).
- Có những người đang giấu giếm hoặc mua/bán súng ngắn.



Buôn người, hôn nhân giả, v.v.

- Phụ nữ và trẻ em đang bị ép buộc làm việc trong các cơ sở mại dâm hoặc các địa điểm kinh doanh tình dục.
- Có những người kết hôn giả, hoặc nhận con nuôi giả để giả vờ là vợ/chồng hoặc người thân của một người Nhật.



Thông tin tội phạm khác

- Có những người đang ăn cắp xe hơi hoặc các phương tiện khác, v.v.
- Có những người đang tích trữ hoặc mua/bán đồ bị đánh cắp.
- Biết ai đó đang ở trong nước bất hợp pháp.
- Có những người tham gia vào hoạt động chuyển tiền bất hợp pháp ra nước ngoài.
- Có những người mua điện thoại di động và mở tài khoản ngân hàng dưới tên người khác.



Nếu bạn nhìn thấy, nghe thấy hoặc biết được thông tin về loại tội phạm này, vui lòng đến đồn cảnh sát Ota hoặc trạm cảnh sát *Koban* gần nhất.

Trong trường hợp khẩn cấp đe dọa đến tính mạng, sự an toàn của bạn hoặc nạn nhân, vui lòng gọi số 110 (số điện thoại khẩn cấp của cảnh sát).



Thông tin cá nhân của bạn sẽ không được tiết lộ, chia sẻ để tránh gây hại cho bạn từ thủ phạm hoặc những người khác liên quan đến báo cáo của bạn.

※ Thông tin sẽ được cung cấp bằng tiếng Nhật. Thư từ và các văn bản khác có thể được gửi bằng tiếng nước ngoài.

(Vui lòng ghi rõ địa chỉ, tên và số điện thoại của bạn.)

Các đơn cảnh sát được chỉ định *Kouban / Chuzaisho* và Tai nạn giao thông / vụ án được ghi nhận vào tháng 4 năm 2026

Thông tin được cung cấp bởi sở cảnh sát Ota

Đồn / Bốt cảnh sát ở khu vực sinh sống “Cho”		Vụ án					Tai nạn giao thông				
Tên đồn cảnh sát	Tên khu phố (-Cho) *không bao gồm tên kết thúc -Machi	R	PD	HI	PID	Total	aID	aPD	Total	DT	
Ekimae Kouban	Kanayama; Kumano; Subaru; Nishihon; Hachiman; Hama; Higashihon; Hon	14	1	1	0	16	8	37	45	0	
Higashi nagaoka-cho K.	Higashinagaoka; Uekino; Kamikobayashi; Shimokobayashi; Dainogo; Niragawa; Higashikanai; *Yabashin-Machi; Yaba; Yasuraoka	20	0	0	1	21	7	64	71	0	
Ota Chuou K.	Arai; Asahi; Iida; Iizuka; Uchigashima; Komaigi; Niijima; Nishiyajima; Higashibessho; Higashiyajima	31	0	0	0	31	18	117	135	0	
Housen K.	Okino; Kamitajima; Josai; Shindo; *Takara-Machi; Nakane; *Nishishin-Machi; Nishinoya; Fujiagu; Fujikura; Bessho; Yura; Wakiya	5	1	0	0	6	16	59	75	0	
Takahayashi Kouban	Iwasegawa; Ushizawa; Shimohamada; Shoya; Suehiro; Takahayashi Higashi; Takahayashi Nishi; Takahayashi Minami; Takahayashi Kita; Takahayashi Kotobuki; Tomizawa; Fukuzawa; Furuto; Hosoya; Minamiyajima; Yonezawa	9	1	0	0	10	12	63	75	0	
Ojima Kouban	Akutsu; Anyouji; Izumi; Idezuka; Iwamatsu; Otachi; Oshikiri; Ojima; Kasukawa; Kameoka; Kozumida; Shimotajima; Suzukake; Tokugawa; Bizenjima; Futatsugoya; Horiguchi; Maegoya; Maejima; Minamigaoka; Musashijima; Serada; Taishi	12	1	3	0	16	7	40	47	1	
Nitta Kouban	Nitta (Akabori; Ichi; Ichinoi; Ichinokura; O; One; Kane; Kamieda; Kaminaka; Kamidanaka; Kanai; Kizaki; Koganai; Kokin; GonEmon; Shimoeda; Shimodanaka; Sorimachi; Takao; Tamurashinden; Tameike; Tenra; Nakaeda; Hagi; Hanakazuka; Hayakawa; Mizuki; Murata)	5	1	1	0	7	9	61	70	0	
Yabuzukahonmachi K.	Obara; Okubo; Yabuzuka; Yamanokami; Yoriai; Rokusengoku	8	2	2	0	12	8	32	40	0	
Toriyama S.S.	Oshima; Tsuruuda; Toriyama Kami; Toriyama Naka; Toriyama Shimo; Toriyama; Nagate; Niino	4	0	0	0	4	2	26	28	0	
Ryumai S.S.	Okinogo; Motegi; Yaegasa; Ryumai	5	0	0	0	5	2	17	19	0	
Godo S.S.	Ishibashi; Owashi; Kamigodo; Kitakanai; Godo; Sugashio; Terai; Tenra; Narizuka; Nishinagaoka	6	0	2	0	8	1	5	6	0	
Tadakari S.S.	Ichiba; Takaze; Tadakari; Tomiwaka; *Higashishin-Machi	2	0	0	0	2	8	12	20	0	
Maruyama S.S.	Kiyohara; Harajuku; Higashiimaizumi; Maruyama; Midori; Yatabori; Yoshizawa	3	0	0	0	3	3	17	20	0	
		Total	124	7	9	1	141	101	550	651	1

R- trộm cướp / PD- thiệt hại tài sản / HI- đột nhập vào nhà (xâm phạm) / PID- gây rối trật tự công cộng /

aID- tai nạn dẫn đến thương tích / aPD- tai nạn dẫn đến thiệt hại tài sản / DT- số người chết / K. – đồn cảnh sát / S.S. – bốt cảnh sát